

Bản án số: 79/2020/DS-ST

Ngày: 11-9-2020

Tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

## **NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L-TỈNH AN GIANG**

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Quốc Nam

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Võ Thị Tiếng
2. Bà Nguyễn Thị Tường Vi

*- Thư ký phiên tòa:* Ông Huỳnh Trung Hiếu – Thư ký Tòa án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Phú Hữu – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2020 tại Tòa án nhân dân thành phố L xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 132/2019/TLST-DS ngày 27 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 245/2020/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 255/2020/QĐST-DS ngày 21 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP S

Trụ sở: Số 266-268, đường N, phường 8, Quận B, Tp. Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Đức T - Chức vụ: Tổng giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Minh S - Chức vụ: Giám đốc chi nhánh An Giang (theo giấy ủy quyền số 1186/2020/GUQ-PL ngày 07/5/2020)

Ông Trần Minh S ủy quyền lại cho ông Chu Toàn T – Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ (Theo giấy ủy quyền ngày 16/6/2020). Có mặt

*2. Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1960. Vắng mặt

Địa chỉ: Ấp A, thị trấn E, huyện T, tỉnh An Giang.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 9/6C, khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện ngày 01/7/2019 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 05/8/2019 cùng lời khai trong quá trình giải quyết vụ án đại diện theo ủy quyền nguyên đơn ông Chu Toàn T trình bày:

Ngày 18/9/2015, bà Nguyễn Thị N có đến Ngân hàng TMCP S chi nhánh An Giang ký hợp đồng vay số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng), hình thức vay theo dư nợ giảm dần, mục đích vay là sửa chữa nhà ở; thời hạn nhận tiền vay là 60 tháng, lãi suất là 11,5%/năm; phương thức vay là lãi trả hàng tháng, vốn trả theo phụ lịch trả nợ; tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất LD1526100006 ngày 05/10/2015, thế chấp Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng số H00227Ac, số tờ bản đồ số 02, số thửa 107, mục đích sử dụng: T, diện tích 36,3m<sup>2</sup> do UBND thành phố L cấp ngày 11/3/2005 do bà Nguyễn Thị N và ông Trần Văn M đứng tên chủ sử dụng, đến ngày 02/10/2013 chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị N theo hồ sơ số 5674/13 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố L, khu đất tọa lạc tại khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

Trong quá trình vay, bà N đã thanh toán số vốn 11.000.000đ và lãi 4.194.526đ. Tuy nhiên, từ 07/2017 đến nay, bà N không thanh toán vốn lãi, Ngân hàng đã nhiều lần liên hệ làm việc và gửi văn bản thông báo nhắc nợ nhưng không có kết quả nên Ngân hàng tiến hành thu hồi nợ trước hạn. Do đó, yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị N phải trả vốn lãi tạm tính đến ngày 30/6/2019 là 25.096.192đ (Hai mươi lăm triệu, không trăm chín mươi sáu nghìn một trăm chín mươi hai đồng), trong đó vốn là 19.000.000đ và lãi là 6.096.192đ và tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng đã ký, đồng thời yêu cầu duy trì hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất LD1526100006 ngày 05/10/2015 để đảm bảo trong giai đoạn thi hành án.

\* Bị đơn Nguyễn Thị N vắng mặt không có lý do, không có ý kiến bằng văn bản và không gửi chứng cứ chứng minh theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa dân sự sơ thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Chu Toàn T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị N phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền vốn, lãi tính đến ngày 11/9/2020 là

28.658.565đ, trong đó vốn gốc là 19.000.000đ, tiền lãi quá hạn là 9.658.000đ. Yêu cầu được duy trì lãi theo Hợp đồng tín dụng và duy trì Hợp đồng thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất để đảm bảo thi hành án. Ngân hàng không yêu cầu bà N phải trả số tiền lãi phạt trễ hạn là 1.431.689đ.

Bị đơn bà Nguyễn Thị N vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tình tiết, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện: Ngày 18/9/2015, Ngân hàng ký kết Hợp đồng vay số LD1526100006 với bà N, mục đích vay là sửa chữa nhà ở. Theo Hợp đồng thì Ngân hàng cho bà Ngọc vay số tiền 30.000.000đ. Để đảm bảo khoản vay thì bà Ngọc ký Hợp đồng thế chấp số LD1526100006 ngày 05/10/2015, thế chấp quyền sử dụng đất của bà N. Trong quá trình vay, bà N đã thanh toán vốn được 11.000.000đ và lãi là 4.194.526đ. Tuy nhiên, từ tháng 7/2017 đến nay, bà N không thanh toán cho Ngân hàng theo thỏa thuận hợp đồng. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà N phải trả số tiền 19.000.000đ và tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng, duy trì Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 05/10/2015 để đảm bảo trong giai đoạn thi hành án là có căn cứ theo quy định tại Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tranh chấp giữa nguyên đơn, bị đơn là tranh chấp hợp đồng vay tài sản, tranh chấp thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố L theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 và xác định tư cách đương sự theo quy định tại Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[1.2] Nguyên đơn là Ngân hàng TMCP S, người đại diện theo ủy quyền là ông Chu Toàn T tham gia tố tụng với tư cách là nguyên đơn. Căn cứ vào Điều 85, Điều 86 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận ông T

tham gia tố tụng với tư cách là nguyên đơn và được thực hiện các quyền, nghĩa vụ tố tụng dân sự theo nội dung văn bản ủy quyền.

[1.3] Bị đơn bà Nguyễn Thị N được Tòa án cấp tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng được xem triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, không có lý do. Tại biên bản xác minh tình trạng cư trú, chính quyền địa phương xác nhận, bà N có đăng ký hộ khẩu thường trú tại số 9/6C, khóm Đ, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang nhưng hiện tại không sinh sống tại địa phương. Như vậy, bị đơn bỏ địa phương đi nhưng không thông báo cho nguyên đơn biết là cố tình trốn tránh nghĩa vụ. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, điểm b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6 nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn Nguyễn Thị N.

### [2] Về áp dụng pháp luật nội dung

Giữa nguyên đơn và bị đơn xác lập giao dịch dân sự, vay tài sản ngày 18/9/2015, nghĩa vụ dân sự kết thúc vào tháng 18/9/2020. Xét nội dung và hình thức thì giao dịch giữa các đương sự đang thực hiện, phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015 làm căn cứ giải quyết vụ án.

### [3] Về nội dung tranh chấp

Căn cứ vào các tình tiết, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Ngày 05/10/2015, Ngân hàng ký kết Hợp đồng tín dụng số: LD1526100006 ngày với bà Nguyễn Thị N. Theo Hợp đồng thì Ngân hàng cho bà N vay 30.000.000 đồng, loại hình vay thế chấp tài sản. Sau khi được giải ngân thì bà N đã trả cho Ngân hàng 11.000.000 đồng vốn gốc, 4.194.526đ đồng tiền lãi thì ngưng không trả vốn lãi cho Ngân hàng theo thỏa thuận, vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng, làm ảnh hưởng đến quyền lợi về tài sản nên nguyên đơn khởi kiện buộc bị đơn trả vốn lãi còn nợ, đồng thời tính lãi trên nợ gốc kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi bị đơn tất toán xong nợ và duy trì Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại các Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng nên được Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận.

Đối với phần lãi phạt trễ hạn là 1.431.689đ, Ngân hàng tự nguyện không yêu cầu bà N phải thanh toán số tiền này nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[3] Bị đơn Nguyễn Thị N không thể hiện ý kiến phản đối bằng văn bản, không giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ chứng minh đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng ký kết với Ngân hàng.

[4] Từ những phân tích và nhận định nêu trên, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận.

Buộc bà Nguyễn Thị N phải trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền vốn lãi tính đến ngày 11/9/2020 là 28.658.565đ (hai mươi tám triệu, sáu trăm năm mươi tám nghìn, năm trăm sáu mươi lăm đồng), trong đó vốn gốc là 19.000.000đ, tiền lãi quá hạn là 9.658.000đ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà Nguyễn Thị N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số LD1526100006 ngày 18/9/2015 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp bất động sản của bên thứ ba số LD1526100006 ngày 05/10/2015 ký kết giữa Ngân hàng TMCP S và bà Nguyễn Thị N để đảm bảo thi hành án.

[5] Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn ngân hàng tự nguyện chịu 500.000đ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ tài sản thế chấp.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn Nguyễn Thị N, sinh năm 1960, tính đến thời điểm xét xử là người cao tuổi (60 tuổi), thuộc trường hợp miễn nộp án phí dân sự theo quy định tại Điều 2 Luật người cao tuổi, điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 01/01/2017 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Tuy nhiên, bị đơn từ chối tham gia tố tụng, không gửi đơn đề nghị miễn nộp án phí nên chưa đủ điều kiện để xem xét miễn nộp tiền án phí theo quy định. Do đó, bị đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo qui định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào:

Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68; Điều 85, Điều 86; khoản 2 Điều 91; khoản 2 Điều 92; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, điểm b khoản 1 Điều 238; khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điểm b khoản 1 Điều 688; Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 470 Bộ luật dân sự 2015;

Khoản 2 Điều 91 Luật tổ chức tín dụng;

Điều 2; Điều 6; Điều 7; Điều 9 và Điều 30 Luật Thi hành án dân sự;

Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Tòa án nhân dân tối cao;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và án phí Tòa án;

Xử vắng mặt bị đơn Nguyễn Thị N.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S đối với bị đơn Nguyễn Thị N.

Buộc bà Nguyễn Thị N phải trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền vốn lãi tính đến ngày 11/9/2020 là 28.658.565đ (hai mươi tám triệu, sáu trăm năm mươi tám nghìn, năm trăm sáu mươi lăm đồng), trong đó vốn gốc là 19.000.000đ, tiền lãi quá hạn là 9.658.000đ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà Nguyễn Thị N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số LD1526100006 ngày 18/9/2015 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số LD1526100006 ngày 05/10/2015 ký kết giữa Ngân hàng TMCP S và bà Nguyễn Thị N để đảm bảo thi hành án.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm

Bị đơn Nguyễn Thị N phải nộp 1.432.000đ (một triệu, bốn trăm ba mươi hai nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP S 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003070 ngày 26/5/2020

tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố L. Ngân hàng TMCP S chi nhánh An Giang được đại diện nhận.

[3] Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP S được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn Nguyễn Thị N được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*(Giải thích Điều 26 Luật Thi hành án dân sự)*

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP.L;
- Chi cục THADS TP.L;
- Phòng KTNV - TAND tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ + VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Quốc Nam**